

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CLEVER GROUP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1029.2021/CV-ADG  
V/v giải trình kết quả kinh doanh tại  
BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2021

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Clever Group (Mã chứng khoán: ADG) (Sau đây gọi tắt là "Công ty") xin được gửi lời chào trân trọng tới Quý Cơ quan.

Liên quan đến Báo cáo kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty xin giải trình như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Báo cáo	Quý 3/2021	Quý 3/2020	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
Doanh thu thuần	Riêng lẻ	98.795.322.131	117.041.495.331	-18.246.173.200	-15,6
	Hợp nhất	115.098.723.244	123.753.545.527	-8.654.822.283	-7,0
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Riêng lẻ	2.844.946.311	12.567.816.029	-9.722.869.718	-77,4
	Hợp nhất	7.135.416.409	10.640.459.975	-3.505.043.566	-32,9

Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế Quý 3/2021 của Công ty đều giảm trên cả Báo cáo riêng và Báo cáo hợp nhất có nguyên nhân do ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch Covid-19, trong đó nặng nề nhất là hoạt động tại chi nhánh tại Hồ Chí Minh gần như tê liệt khi thực hiện giãn cách kéo dài. Doanh thu giảm trong khi hầu hết các chi phí vẫn phải duy trì dẫn đến lợi nhuận sau thuế cũng giảm mạnh.

Trên đây là nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế Quý 3/2021 so với Quý 3 năm 2020 của Công ty cổ phần Clever Group. Chúng tôi cam kết thông tin trên là đúng sự thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu CT.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Nguyễn Khánh Trình*

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**Cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021**

Hà Nội – Tháng 10 năm 2021



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 – 37



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2021.

### **CÔNG TY**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 19 ngày 16/09/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 19 ngày 16/09/2021 là 198.890.980.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám tỷ tám trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

- |                          |                    |
|--------------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Khánh Trinh | Chủ tịch           |
| - Bà Lưu Hoàng Anh       | Thành viên         |
| - Bà Đôn Nữ Đức Hiền     | Thành viên         |
| - Ông Dư Khắc Châu       | Thành viên         |
| - Ông Lee Sang Seok      | Thành viên         |
| - Ông Phạm Thanh Hải     | Thành viên độc lập |
| - Ông Trần Anh Nam       | Thành viên độc lập |

#### **Ban Giám đốc**

- |                         |  |
|-------------------------|--|
| - Ông Bạch Dương        | Giám đốc                                 |
| - Bà Đôn Nữ Đức Hiền    | Phó Giám đốc                             |
| - Bà Lưu Hoàng Anh      | Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Bà Trần Thị Minh Tình | Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng               |

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2021.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/09/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**BẠCH DUONG**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Hội đồng quản trị phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/9/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ báo cáo kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



**NGUYỄN KHÁNH TRINH**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>282,518,853,604</b>	<b>300,196,155,119</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>3,427,101,260</b>	<b>15,794,177,390</b>
1. Tiền	111		3,427,101,260	15,794,177,390
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5.2	<b>138,538,596,811</b>	<b>101,113,584,713</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		138,538,596,811	101,113,584,713
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>122,698,755,227</b>	<b>182,294,660,377</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	57,334,278,944	117,795,622,245
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	3,514,303,522	466,232,152
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	40,350,000,000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	21,857,802,432	64,642,258,419
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357,629,671)	(609,452,439)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.8	<b>17,724,069,542</b>	<b>896,392,784</b>
1. Hàng tồn kho	141		17,724,069,542	896,392,784
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>130,330,764</b>	<b>97,339,855</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	130,330,764	96,253,855
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1,086,000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>93,230,799,055</b>	<b>117,522,855,779</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50,210,000,000</b>	<b>51,447,472,980</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	500,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	50,210,000,000	50,947,472,980
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4,284,524,269</b>	<b>4,232,636,878</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	4,284,524,269	4,232,636,878
- Nguyên giá	222		12,548,285,182	12,152,150,636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8,263,760,913)	(7,919,513,758)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.11	<b>4,917,774,635</b>	<b>36,579,425,535</b>
- Nguyên giá	231		4,917,774,635	36,579,425,535
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>33,081,270,144</b>	<b>23,922,984,123</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		37,382,879,000	28,221,572,080
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4,219,693,080	4,756,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(9,021,301,936)	(9,054,587,957)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>737,230,007</b>	<b>1,340,336,263</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	737,230,007	1,340,336,263
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>375,749,652,659</b>	<b>417,719,010,898</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	30/09/2021	01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>137,965,069,820</b>	<b>194,670,350,854</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>137,965,069,820</b>	<b>194,670,350,854</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	39,411,367,775	73,151,805,411
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	7,968,415,015	5,872,479,469
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7,055,231,115	11,217,737,726
4. Phải trả người lao động	314		1,332,218,952	1,262,230,156
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	535,301,655	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	635,290,988	1,072,155,310
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	81,027,244,320	102,093,942,782
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>237,784,582,839</b>	<b>223,048,660,044</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.18	<b>237,784,582,839</b>	<b>223,048,660,044</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		198,890,980,000	180,003,330,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198,890,980,000	180,003,330,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34,940,000	34,940,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38,858,662,839	43,010,390,044
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		16,035,959,045	796,743,348
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22,822,703,794	42,213,646,696
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>375,749,652,659</b>	<b>417,719,010,898</b>



**NGUYỄN THỊ HÒI**  
Người lập



**NGUYỄN THỊ HÒI**  
Kế toán trưởng



**BẠCH ĐƯƠNG**  
Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 01/07/2021 kết thúc ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý 3 năm 2021	Quý 3 năm 2020	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	98,795,322,131	117,780,215,494	367,885,659,386	228,992,837,667
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2		738,720,163	1,201,476,500	738,720,163
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>98,795,322,131</b>	<b>117,041,495,331</b>	<b>366,684,182,886</b>	<b>228,254,117,504</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	93,741,906,273	97,851,034,286	333,066,209,347	185,009,692,735
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>5,053,415,858</b>	<b>19,190,461,045</b>	<b>33,617,973,539</b>	<b>43,244,424,769</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	5,185,456,196	3,009,134,648	15,794,882,938	8,155,931,311
7. Chi phí tài chính	22	6.5	831,672,761	1,000,814,358	2,858,351,187	4,247,429,007
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		819,396,416	973,506,902	2,858,351,187	1,033,383,895
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	2,615,498,550	2,793,473,586	9,221,825,301	7,964,926,056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2,265,347,185	2,773,582,075	8,007,611,204	8,836,202,032
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>4,526,353,558</b>	<b>15,631,725,674</b>	<b>29,325,068,785</b>	<b>30,351,798,985</b>
11. Thu nhập khác	31	6.7	4,011,424	114,677,307	10,313,963	344,762,835
12. Chi phí khác	32	6.7	561,741,865	7,938,088	660,438,687	607,932,503
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(557,730,441)</b>	<b>106,739,219</b>	<b>(650,124,724)</b>	<b>(263,169,668)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3,968,623,117</b>	<b>15,738,464,893</b>	<b>28,674,944,061</b>	<b>30,088,629,317</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1,123,676,806	3,170,648,864	5,867,076,550	6,206,592,404
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2,844,946,311</b>	<b>12,567,816,029</b>	<b>22,807,867,511</b>	<b>23,882,036,913</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2021



**NGUYỄN THỊ HỜI**  
Người lập

**NGUYỄN THỊ HỜI**  
Kế toán trưởng

**BẠCH DƯƠNG**  
Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>28,674,944,061</b>	<b>30,088,629,317</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	844,416,266	1,056,341,412
- Các khoản dự phòng	03	(285,108,789)	3,310,040,589
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(826,883,583)	(239,325,315)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11,457,519,474)	(8,658,536,709)
- Chi phí lãi vay	06	2,055,904,447	1,033,383,895
<b>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>19,005,752,928</b>	<b>26,590,533,189</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	100,837,574,898	(49,719,761,171)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(16,827,676,758)	(23,287,821,704)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(34,407,918,301)	87,709,940,796
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	569,029,347	236,007,486
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2,858,351,187)	(990,926,633)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6,999,028,821)	(6,168,975,072)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>59,319,382,106</b>	<b>34,368,996,891</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,007,407,273)	(24,693,022,347)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	34,048,470,146	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(491,314,080,405)	(369,609,403,315)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	366,913,854,713	235,865,996,252
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9,125,000,000)	(4,098,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	7,838,119,922
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(100,484,162,819)</b>	<b>(154,696,309,488)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Từ 01/01/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/09/2020
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	888,000,000	71,594,230,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
2. Tiền thu từ đi vay	33	285,446,681,643	164,256,993,041
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(248,562,196,060)	(117,472,467,180)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,974,781,000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>28,797,704,583</b>	<b>118,378,755,861</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(12,367,076,130)</b>	<b>(1,948,556,736)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15,794,177,390	7,176,839,430
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3,427,101,260	5,228,282,694



NGUYỄN THỊ HỜI  
Người lập



NGUYỄN THỊ HỜI  
Kế toán trưởng



BẠCH DƯƠNG  
Giám đốc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 19 ngày 16/09/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 19 ngày 16/09/2021 là 198.890.980.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ tám trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2021 là 160 người (Tại ngày 30/09/2020, tổng số cán bộ nhân viên là 145 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- *Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;*
- *Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);*
- *Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.*

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/9/2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty liên kết</i>		(%)	(%)	
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Việt Nam	40	40	Dịch vụ Công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3. Công ty cổ phần Công nghệ Lazi	Việt Nam	38	38	Quảng cáo, Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
4. Công ty cổ phần Techcen	Việt Nam	29	29	Lập trình máy vi tính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)****1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty con</i>		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
5. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đầu
8. Công ty cổ phần cMetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	95	95	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

#### 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 30/09/2021, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán 9 tháng từ ngày 01/01 đến ngày 30/9.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Hà Nội. Các giao dịch nội bộ giữa Văn phòng Hà Nội với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng kèm theo là Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty, do vậy không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng nên đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/07/2021 kết thúc ngày 30/9/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<b>Tài sản</b>	<b>Khung khấu hao</b>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ tương ứng với thời gian trả trước, phí cập nhật dữ liệu được phân bổ trong thời gian 10 tháng, phí sử dụng đường bộ được phân bổ trong thời gian 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ trong thời gian từ 18 đến 36 tháng, chi phí sửa chữa xe được phân bổ trong thời gian 24 tháng.

**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Các khoản vay**

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, kế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm chi phí lãi vay phải trả.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2021 là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

**Doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo và doanh thu bán bất động sản.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

**Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Chi phí bán hàng* bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; các chi phí môi giới bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ kế toán.

*Chi phí quản lý doanh nghiệp* bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

**Thuế**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	75,083,532	4,535,949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3,352,017,728	15,789,641,441
<b>Tổng</b>	<b>3,427,101,260</b>	<b>15,794,177,390</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>138,538,596,811</b>	<b>138,538,596,811</b>	<b>101,113,584,713</b>	<b>101,113,584,713</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	3,738,596,811	3,738,596,811	-	-
- Trái phiếu (i)	134,800,000,000	134,800,000,000	101,113,584,713	101,113,584,713
<i>Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2</i>	-	-	1,650,000,000	1,650,000,000
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory</i>	-	-	97,500,000,000	97,500,000,000
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam</i>	24,000,000,000	24,000,000,000	-	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư Tân Thành Long An</i>	110,800,000,000	110,800,000,000	1,963,584,713	1,963,584,713
<b>Tổng</b>	<b>138,538,596,811</b>	<b>138,538,596,811</b>	<b>101,113,584,713</b>	<b>101,113,584,713</b>

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn dưới 12 tháng với lãi suất đầu tư từ 8% - 9%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được thanh toán cả gốc và lãi tại ngày tất toán khoản đầu tư.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

Công ty con/Công ty liên kết	Kết quả hoạt động kinh doanh
1. Công ty PT CleverAds	Hoạt động kinh doanh có lãi
2. Công ty CP Review Thông minh	Hoạt động kinh doanh có lãi
3. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Hoạt động kinh doanh có lỗ
4. Công ty CP Orion Media	Hoạt động kinh doanh có lãi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

5. Công ty CP Truyền thông NAH	Hoạt động kinh doanh có lỗ
6. Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Hoạt động kinh doanh có lỗ
7. Công ty CP Trực tuyến CleverX	Hoạt động kinh doanh có lỗ
8. Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Hoạt động kinh doanh có lỗ
9. Công ty CP CMetric	Hoạt động kinh doanh có lỗ
10. Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Chưa hoạt động
11. Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Hoạt động kinh doanh có lãi



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B09A – DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

	Tỷ lệ		30/09/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>37,882,879,000</b>		<b>8,716,763,762</b>	<b>28,221,572,080</b>		<b>8,569,914,235</b>
- Công ty PT CleverAds	95%	95%	3,351,315,000		237,066,299	3,351,315,000		354,549,584
- Công ty CP Review Thông minh	70%	70%	10,500,000,000		-	10,500,000,000		-
- Công ty TNHH ADOP Vietnam	40%	100%	-		-	2,463,693,080		163,542,914
- Công ty CP Orion Media	77%	77%	8,316,000,000		7,525,814,357	8,316,000,000		7,846,726,336
- Công ty CP Truyền thông NAH	72%	72%	740,564,000		-	740,564,000		-
- Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	60%	60%	600,000,000		113,412	600,000,000		24,425,288
- Công ty CP Trực tuyến CleverX	75%	75%	2,250,000,000		454,471,396	2,250,000,000		180,670,113
- Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới (ii)	97%	97%	5,000,000,000		3,449,869	-		-
- Công ty CP Cmetric (iii)	88.33%	88.33%	7,125,000,000		495,848,430	-		-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>			<b>4,219,693,080</b>		<b>304,538,174</b>	<b>4,756,000,000</b>		<b>484,673,722</b>
- Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	40%	40%	1,756,000,000		286,005,372	1,756,000,000		284,432,588

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B09A – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021**

- Công ty CP CMetric	-	-	3,000,000,000	200,241,134
- Công ty TNHH ADOP Vietnam	40%	100%	2,463,693,080	18,532,802
<b>Tổng</b>			<b>42,102,572,080</b>	<b>9,021,301,936</b>
			<b>32,977,572,080</b>	<b>9,054,587,957</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ tài chính do cổ phiếu và vốn của các công ty này chưa được niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

(ii) Công ty góp vốn thành lập Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty CF số 0323/2021/QĐ - HĐQT.ADG ngày 23/3/2021

(iii) Công ty mua thêm cổ phần của Công ty cổ phần Cmetric để tăng tỷ lệ sở hữu thành 88,33% và chuyển từ công ty liên kết thành công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
CleverAds Philippines Corporation	5,758,974,626	5,758,974,626
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	5,047,286,151	411,086,279
Công ty cổ phần Giải trí và Thể thao điện tử Việt Nam	1,930,782,050	5,971,358,122
Công ty cổ phần TI KI	22,612,182,722	71,709,359,152
Các khách hàng khác	21,985,053,395	33,944,844,066
<b>Tổng</b>	<b>57,334,278,944</b>	<b>117,795,622,245</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	<b>6,120,821,203</b>	<b>538,767,842</b>

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty cổ phần VCCorp	-	92,400,000
Ông Đặng Trọng Toàn	-	360,000,000
Các nhà cung cấp khác	3,514,303,522	13,832,152
<b>Tổng</b>	<b>3,514,303,522</b>	<b>466,232,152</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.5 Phải thu về cho vay**

	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn (i)</b>	<b>40,350,000,000</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần Dịch vụ và Đầu tư TrustLink	35,000,000,000	
Ông Nguyễn Khánh Trinh	3,350,000,000	
Các đối tượng cho vay khác	2,000,000,000	
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>500,000,000</b>
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	-	500,000,000
<b>Tổng</b>	<b>40,350,000,000</b>	<b>500,000,000</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Số dư các khoản cho vay với bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	<b>3,350,000,000</b>	<b>-</b>
(i): Đây là các khoản cho vay có tài sản đảm bảo, có thời hạn trong 12 tháng kể từ ngày vay, có lãi suất cho vay từ 7% - 10%/năm.		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

5.6 Các khoản phải thu khác	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21,857,802,432</b>	<b>64,642,258,419</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	17,837,597,076	61,198,230,142
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	288,276,506	2,028,649,409
- Lãi dự thu trái phiếu	2,570,143,233	1,414,722,867
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	1,161,785,616	-
- Phải thu khác	-	656,001
<b>Dài hạn</b>	<b>50,210,000,000</b>	<b>50,947,472,980</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	50,210,000,000	50,947,472,980
<b>Tổng</b>	<b>72,067,802,432</b>	<b>115,589,731,399</b>

(i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 30/09/2021 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; Chi tiết như sau:

- Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.220.203.751 đồng, lãi suất từ 4,85-5,15%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 8.102.819.346 đồng, lãi suất 4,6 - 5,3%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
- Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thịnh Vượng với tổng giá trị cầm cố là 3.339.592.162 đồng, lãi suất 4,6 - 4,8%/năm cho hợp đồng cấp bảo lãnh tại các Ngân hàng thương mại.
- Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 686.472.980 đồng.

(ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phân ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:

- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 với giá trị ghi sổ tại 30 tháng 09 năm 2021 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6,725%/năm.
- Trái phiếu mã số CTG208T2/02\_119 với giá trị ghi sổ tại 30 tháng 09 năm 2021 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,425%/năm.
- Trái phiếu mã số CTG1727T2/02\_2634 với giá trị ghi sổ tại 30 tháng 09 năm 2021 là 10.200.000.000 VND, lãi suất 6,85%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Mẫu số B09A – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5.7 Nợ xấu**

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	-	-	89,444,768	-
Chi nhánh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trường Sa	-	-	23,760,000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công trình Nghi dưỡng S.P.A	-	-	31,350,000	-
Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường	-	-	45,100,000	-
Công ty TNHH Giáo dục WISDOMLAND	-	-	11,000,000	-
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41,454,545	-	41,454,545	-
Công ty TNHH GOGALA	49,745,079	-	50,913,079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53,745,958	-	53,745,958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66,734,809	-	66,734,809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145,949,280	-	195,949,280	-
<b>Tổng</b>	<b>357,629,671</b>	<b>-</b>	<b>609,452,439</b>	<b>-</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	17,724,069,542	-	896,392,784	-
<b>Tổng</b>	<b>17,724,069,542</b>	<b>-</b>	<b>896,392,784</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
<b>Ngắn hạn</b>	<b>130,330,764</b>		<b>125,795,059</b>	
- Chi phí thuê văn phòng		129,433,264		49,897,559
- Phí sử dụng đường bộ		897,500		897,500
- Chi phí trả trước khác				75,000,000
<b>Dài hạn</b>	<b>737,230,007</b>		<b>994,371,147</b>	
- Công cụ dụng cụ phân bổ		737,230,007		984,572,399
- Chi phí trả trước dài hạn khác				9,798,748
<b>Tổng</b>	<b>867,560,771</b>		<b>1,120,166,206</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng</i>
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 30/06/2021	12,211,691,727	336,593,455	-	12,548,285,182
Tại ngày 30/09/2021	12,211,691,727	336,593,455	-	12,548,285,182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 30/06/2021	7,665,760,055	332,580,104	-	7,998,340,159
Khấu hao trong kỳ	261,407,403	4,013,351	-	265,420,754
Tại ngày 30/09/2021	7,927,167,458	336,593,455	-	8,263,760,913
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/06/2021	4,545,931,672	4,013,351	-	4,549,945,023
Tại ngày 30/09/2021	4,284,524,269	-	-	4,284,524,269

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/09/2021 là 4.354.845.181 VND (ngày 31/12/2020: 3.693.908.818 VND).

**5.11 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	<i>Số đầu kỳ</i>	<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635
Nhà và quyền sử dụng đất	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635
<b>TỒN THẤT DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ</b>	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635
Nhà và quyền sử dụng đất	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635

Bất động sản mà Công ty đang nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá là sản phẩm phòng tầng 11 tại C1 tập thể Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/9/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Châu Á Tiêu Điểm	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thương Mại TI KI	565,304,568	565,304,568	712,768,427	712,768,427
Face Book Ireland Limited	19,196,275,941	19,196,275,941	18,377,734,287	18,377,734,287
Google Ireland Ltd	19,412,669,024	19,412,669,024	27,165,985,203	27,165,985,203
Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	237,118,242	237,118,242	112,870,124	112,870,124
<b>Tổng</b>	<b>39,411,367,775</b>	<b>39,411,367,775</b>	<b>46,369,358,041</b>	<b>46,369,358,041</b>

Trong đó:

**Phải trả người bán là các  
bên liên quan****1,709,546,592**

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/09/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	25,000,000	25,000,000	350,000,000	350,000,000
Công ty TNHH MERAP TRADING	947,286,165	947,286,165	599,079,463	599,079,463
PT CleverAds	-	-	396,365,227	396,365,227
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	382,519,600	382,519,600	-	-
Các khách hàng khác	6,613,609,250	6,613,609,250	5,118,143,737	5,118,143,737
<b>Tổng</b>	<b>7,968,415,015</b>	<b>7,968,415,015</b>	<b>6,463,588,427</b>	<b>6,463,588,427</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là  
các bên liên quan**

396,365,227

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/09/2021
	Thuế giá trị gia tăng	6,473,396,064	52,893,679,405	(56,786,088,201)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,645,604,186	5,867,076,550	(6,999,028,821)	3,513,651,915
Thuế thu nhập cá nhân	98,737,476	144,973,291	(208,412,623)	35,298,144
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	1,849,467,618	(924,173,830)	925,293,788
<b>Tổng</b>	<b>11,217,737,726</b>	<b>60,755,196,864</b>	<b>(64,917,703,475)</b>	<b>7,055,231,115</b>
<b>5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn</b>		<b>30/09/2021</b>		<b>30/06/2021</b>
		<b>VND</b>		<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả		535,301,655		-
<b>Tổng</b>		<b>535,301,655</b>		<b>-</b>
<b>5.16 Phải trả ngắn hạn khác</b>		<b>30/09/2021 (VND)</b>		<b>01/01/2021 (VND)</b>
		<b>Giá trị ghi sổ</b>		<b>Giá trị ghi sổ</b>
		<b>Số có khả năng trả nợ</b>		<b>Số có khả năng trả nợ</b>
Kinh phí công đoàn	318,838,988	318,838,988	318,838,988	318,838,988
Các khoản phải trả khác	316,452,000	316,452,000	300,000,000	300,000,000
<b>Tổng</b>	<b>635,290,988</b>	<b>635,290,988</b>	<b>618,838,988</b>	<b>618,838,988</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/09/2021 (VND)		Trong kỳ		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>78,138,841,242</b>	<b>78,138,841,242</b>	<b>229,679,268,109</b>	<b>(248,566,682,686)</b>	<b>97,026,255,819</b>	<b>97,026,255,819</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	78,138,841,242	78,138,841,242	229,679,268,109	(248,566,682,686)	97,026,255,819	97,026,255,819
<b>Dư nợ tín dụng</b>	<b>2,888,403,078</b>	<b>2,888,403,078</b>	<b>66,161,117,242</b>	<b>(68,340,401,127)</b>	<b>5,067,686,963</b>	<b>5,067,686,963</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	2,646,577,737	2,646,577,737	63,000,848,978	(65,216,266,740)	4,861,995,499	4,861,995,499
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	241,825,341	241,825,341	3,160,268,264	(3,124,134,387)	205,691,464	205,691,464
<b>Tổng</b>	<b>81,027,244,320</b>	<b>81,027,244,320</b>	<b>295,840,385,351</b>	<b>(316,907,083,813)</b>	<b>102,093,942,782</b>	<b>102,093,942,782</b>

i. Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long bao gồm 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 004/2020 - HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 02/11/2020 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 02/11/2020. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 3,8 % / năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

+ Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 và CTG1727T2/02-2634 có giá trị ghi sổ tại ngày 30/06/2021 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 10.200.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 và số 010/2020/HĐBĐVNHT140 - CLEVERGROUP ngày 17/11/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).

+ Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.220.203.751 VND (Thuyết minh số 5.6)

+ Tài sản đảm bảo là bất động sản của bên thứ ba do ông Nguyễn Khánh Trinh là chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B09A – DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021**

- Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2021-HĐCVTL/NHCT140-CLEVER ký ngày 25/06/2021 với số tiền là 35.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 5,6%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam mã số CTG2028T2 /02-119 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị ghi sổ của khoản trái phiếu này tại ngày 30/06/2021 là 35.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

ii. Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 8.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30 %/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 30/09/2021 là 8.102.819.346 VND (Thuyết minh số 5.6).

iii. Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3 % /tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 30/09/2021 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6)

**5.18 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	74,000,000,000	-	-	35,240,783,348	109,240,783,348
Tăng vốn điều lệ	8,880,000,000	60,867,960,000	-	-	69,747,960,000
Phát hành cổ phiếu ESOP	1,846,270,000	-	-	-	1,846,270,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	34,444,040,000	-	-	(34,444,040,000)	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	60,833,020,000	(60,833,020,000)	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	42,213,646,696	42,213,646,696
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>180,003,330,000</b>	<b>34,940,000</b>	<b>-</b>	<b>43,010,390,044</b>	<b>223,048,660,044</b>
Tăng vốn trong kỳ	888,000,000	-	-	-	888,000,000
Lãi trong kỳ này	-	-	-	22,822,703,795	22,822,703,795
Tăng khác	-	-	-	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**MẪU SỐ B09A – DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

			902,836,284		902,836,284
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	17,999,650,000	-	-	(26,974,431,000)	(8,974,781,000)
Giảm khác	-	-	(902,836,284)	-	(902,836,284)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>198,890,980,000</b>	<b>34,940,000</b>	<b>-</b>	<b>38,858,662,839</b>	<b>237,784,582,839</b>

*Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/09/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trinh	53,154,280,000	47,885,710,000
Ông Dư Khắc Châu YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	1,784,350,000	1,603,960,000
Cyber Agent Capital, Inc	79,639,470,000	72,399,520,000
Các cổ đông khác	231,830,000	210,760,000
Thặng dư vốn cổ phần	64,081,050,000	57,903,380,000
	34,940,000	34,940,000
<b>Tổng</b>	<b>198,925,920,000</b>	<b>180,038,270,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 (VND)	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	180,003,330,000	180,003,330,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	18,887,650,000	
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	198,890,980,000	180,003,330,000

**Cổ tức:**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐH ngày 22/05/2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

- + Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương đương với giá trị 9.000.166.500 VND
- + Chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% tương đương với giá trị 18.000.333.000 VND

**d. Cổ phiếu**

	30/09/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,889,098	18,000,333
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,889,098	18,000,333
Cổ phiếu phổ thông	19,889,098	18,000,333
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19,889,098	18,000,333
Cổ phiếu phổ thông	19,889,098	18,000,333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**5.19 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Tài sản thuê ngoài**

	30/09/2021	01/01/2021
Tổng số tiền thuê tối thiểu (VND) trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	2,759,875,020	2,995,081,200
Trên 01 năm đến 05 năm	5,865,518,857	12,981,782,400
<b>Tổng</b>	<b>8,625,393,877</b>	<b>15,976,863,600</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>30/09/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Đô la Mỹ (USD)	3,085.36	34,675.00

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	332,259,808,293	228,254,117,504
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	34,424,374,593	-
<b>Tổng</b>	<b>366,684,182,886</b>	<b>228,254,117,504</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)	10,237,730,368	3,823,151,818

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Chiết khấu thương mại	1,201,476,500	738,720,163
<b>Tổng</b>	<b>1,201,476,500</b>	<b>738,720,163</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	301,404,558,447	185,009,692,735
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	31,661,650,900	-
<b>Tổng</b>	<b>333,066,209,347</b>	<b>185,009,692,735</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	13,914,364,811	7,986,463,892
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,880,518,127	169,467,419
<b>Tổng</b>	<b>15,794,882,938</b>	<b>8,155,931,311</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Chi phí lãi vay	2,824,604,050	1,033,383,895
Lỗ chênh lệch tỷ giá	48,959,248	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(36,682,903)	3,214,045,112
Chi phí tài chính khác	21,470,792	-
<b>Tổng</b>	<b>2,858,351,187</b>	<b>4,247,429,007</b>

**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3,311,932,000	2,558,701,069
Chi phí đồ dùng văn phòng	1,244,606,251	946,287,889
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,045,251,425	754,143,916
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(251,822,768)	95,995,477
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,657,644,296	4,070,411,194
Chi phí khác bằng tiền	-	410,662,487
<b>Tổng</b>	<b>8,007,611,704</b>	<b>8,836,202,032</b>

**Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên	8,951,153,740	7,745,286,719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	263,454,597	205,460,596
Chi phí khác bằng tiền	7,216,964	14,178,741
<b>Tổng</b>	<b>9,221,825,301</b>	<b>7,964,926,056</b>

**6.7 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>10,313,963</b>	<b>344,762,835</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

- Xử lý số dư công nợ		
- Các khoản khác	10,313,963	344,762,835
<b>Chi phí khác</b>	<b>660,438,687</b>	<b>607,932,503</b>
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	289,308,744	107,908,088
- Chi ủng hộ, tài trợ	-	500,000,000
- Các khoản khác	371,129,943	24,415
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)</b>	<b>(650,124,724)</b>	<b>(263,169,668)</b>
<b>6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,138,163,491	946,287,889
Chi phí nhân công	18,087,815,752	13,681,656,439
Chi phí khấu hao TSCĐ	844,416,266	754,143,916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329,943,884,248	185,964,655,874
Chi phí khác bằng tiền	281,366,095	464,076,705
<b>Tổng</b>	<b>350,295,645,852</b>	<b>201,810,820,823</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thức ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thức ngày 30/09/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	5,867,076,550	6,206,592,404
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH kỳ này	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5,867,076,550</b>	<b>6,206,592,404</b>

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thức ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thức ngày 30/09/2020 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	28,674,944,061	30,088,629,317
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	660,438,687	607,932,503

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

Chi phí không hợp lý, hợp lệ	660,438,687	607,932,503
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước</b>	<b>29,335,382,748</b>	<b>30,696,561,820</b>
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>29,335,382,748</b>	<b>30,696,561,820</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành (20%)	5,867,076,550	6,139,312,364
<b>Thuế TNDN phải trả đầu kỳ</b>	<b>4,645,604,186</b>	<b>4,211,565,762</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) kỳ trước	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(6,999,028,821)	
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>3,513,651,915</b>	<b>10,350,878,126</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các khoản cam kết**

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m2 văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.

- Tiền thuê 407,5 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018.

- Tiền thuê 80,24 m2 văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2020.

- Tiền thuê 108 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018.

**Cam kết vốn**

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2021, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND.

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty PT CleverAds	Công ty con
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết
Công ty CP Orion Media	Công ty con
Công ty CP Truyền thông NAH	Công ty con



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con
Công ty CP Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Công ty con
Công ty CP CMetric	Công ty con
Công ty TNHH Quảng Cáo thông minh Myanmar	Công ty con
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Techcen	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

**a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
Tiền lương và phụ cấp	1,455,295,335	1,409,200,000
<b>Tổng</b>	<b>1,455,295,335</b>	<b>1,409,200,000</b>

**b. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
<b>Bán hàng</b>				
1 Công ty PT CleverAds	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	1,930,272,028	1,001,547,287
2 Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2,965,119,040	722,114,132
3 Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	44,578,182	-
4 Công ty CP Orion Media	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	79,565,975	97,252,775
5 Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	3,369,707	5,606,536
6 Công ty CP CMetric	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	51,885,438	-
7 CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	3,510,382,455	842,824,772
8 Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1,376,054,161	909,444,150
9 Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	263,854,368	244,362,166
10 Công ty cổ phần công nghệ giáo dục lớp học mới	Công ty con	Cung cấp dịch vụ		
11 Công ty cổ phần công nghệ Lazi		Cung cấp dịch vụ	6,439,923	
12 Công ty cổ phần Techcen	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6,209,091	
<b>Tổng</b>			<b>10,237,730,368</b>	<b>3,823,151,818</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội**MÃU SỐ B09A – DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021 VND	Kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 VND
<b>Mua hàng</b>				
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	Mua dịch vụ	1,189,322,000	1,120,128,480
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty con	Mua dịch vụ	4,724,592	-
Công ty CP Orion Media	Công ty con	Mua dịch vụ	515,500,000	-
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	Mua dịch vụ	519,363,713	-
Công ty cổ phần JobsGO	Công ty con	Mua dịch vụ	-	1,869,000
<b>Tổng</b>			<b>1,709,546,592</b>	<b>1,120,128,480</b>
<b>Cho vay</b>				
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	19,350,000,000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền cho vay	16,000,000,000	-
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	557,089,000	-

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	30/09/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	6,120,821,203	538,767,842
Công ty CP Công nghệ quảng cáo ADTech	Công ty con	5,758,974,626	766,624
Công ty CP CMetric	Công ty con	766,624	619,883
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	6,018,892	-
Công ty CP Orion Media	Công ty con	8,815,765	174,994,593
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	119,555,855	5,767,300
Công ty CP Review Thông minh	Công ty con	212,775,526	302,362,709
Công ty cổ phần công nghệ Lazi	Công ty liên kết	7,083,915	55,023,357
Công ty cổ phần Techcen	Công ty liên kết	6,830,000	-
<b>Khách hàng trả tiền trước</b>			
Công ty CP Trực tuyến CleverX	Công ty con	75,666,984	-
<b>Phải thu về cho vay</b>			
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3,350,000,000	-
<b>Phải thu khác</b>			
Ông Nguyễn Khánh Trinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	55,528,767	-

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**Cho kỳ báo cáo 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2021**

**7.3 Sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán:**

Sau khi kế toán, công ty chưa có sự kiện nào phát sinh

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2020 đã được soát xét bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

NGUYỄN THỊ HỜI  
Người lập

NGUYỄN THỊ HỜI  
Kế toán trưởng

BẠCH DƯƠNG  
Giám đốc